

dì sān kè wǒ shēng bìng le
第三課 我 生 病 了

Matching: Please match the following sentences with the correct photo.

wǒ tóu tòng。 我 頭 痛。(I have a headache.)	wǒ gǎn mào le。 我 感 冒 了。(I caught a cold.)
wǒ ké sòu。 我 咳 嗽。(I have a cough.)	wǒ bìng hǎo le。wǒ yào qù shàng xué。 我 病 好 了。我要去上学。 (I get well. I want to go to school.)
wǒ fā shāo le。 我 發 燒 了。(I have a fever.)	



1.



2.



3.



4.



5.
